

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG ARCON**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG ARCON

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ARCON ARCHITECTURE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ARCON ARCHITECTURE .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108458155

**3. Ngày thành lập:** 04/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 03, ngõ 602 Kim Giang, thôn Thượng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948263335

Fax:

Email: arcon.jsc@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cắt chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663     |
| 2.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2511     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết :<br>- Đồ ngũ kim;<br>- Sơn, véc ni và sơn bóng;<br>- Kính phẳng;<br>- Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh;<br>- Thiết bị và vật liệu để tự làm. | 4752 |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4311 |
| 5.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                   | 4759 |
| 6.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                         | 4229 |
| 7.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                | 3312 |
| 8.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                                               | 7730 |
| 9.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                         | 8129 |
| 10. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết : Dịch vụ tư vấn bất động sản                                                                                                                                                                               | 6820 |
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                             | 4211 |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                       | 4222 |
| 13. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                             | 3100 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4321 |
| 15. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390 |
| 16. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao<br>Chi tiết: Sản xuất thạch cao                                                                                                                                                                                                                        | 2394 |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 18. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                        | 4223 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu hàng hóa với những mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                        | 8299 |
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                               | 2599 |
| 21. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết : Quản lý dự án đầu tư.                                                                                                                                                                                                                              | 7020 |
| 22. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                              | 4212 |
| 23. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4221 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                              | 2220 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 25. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329        |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4299        |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230        |
| 29. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2592        |
| 30. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322        |
| 31. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 32. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8121        |
| 33. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>- Giám sát thi công xây dựng<br>- Khảo sát xây dựng<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn quản lý dự án<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường<br>- Dịch vụ tư vấn bao gồm: Lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển; Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi; Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; Đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; Đào tạo, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ tư vấn khác | 7110(Chính) |
| 34. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101        |
| 35. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4102        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 04/10/2018 đến ngày 03/11/2018

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN BÁ HOÀNG   | Xóm 16, Xã Phúc Thọ, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | 187112627                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM TUẤN VINH    | Thôn Thượng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | 036083005182                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN HOÀNG LONG | Khu phố Vĩnh Kiều 3, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 75.000     | 750.000.000           | 15,000    | 125506372                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 75.000     | 750.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
| 4   | PHẠM VĂN DUY      | Xóm Xuân Tiến, Xã Giao Xuân, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 375.000    | 3.750.000.000         | 75,000    | 036085003770                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 375.000    | 3.750.000.000         | 75,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN BÁ HOÀNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/10/1995*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *187112627*

Ngày cấp: *23/10/2010*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Nghệ An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 16, Xã Phúc Thọ, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P.922, HH02-2C, KĐT Thanh Hà Cienco 5, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*